TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1829/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phạm Thị Ngọc.

2- Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: *Không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1065/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 673/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 703/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 07/7/2022, nguyên đơn ông A trình bày:

Ông với bà B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151, ngày 08/11/1999. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2000 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây gỗ. Hai người đã ly thân hơn 20 năm, ông xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn bà B.

- Về con chung có 01 con là C, sinh năm 1998, đã thành niên.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Do bà B đã được tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông A vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện, bà B không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông A với bà B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151, ngày 08/11/1999 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của ông A xin ly hôn bà B:

[3.1] Ông A với bà B sống không hạnh phúc, ông A đã xin ly hôn bà B vào năm 2003, theo Bản án số 2249/HNPT ngày 23/12/2003 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã bác yêu cầu ông A xin ly hôn bà B. Tuy nhiên, thời gian từ đó cho đến nay hai người sống ly thân, không thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3.2] Tại phiên tòa, bà B không đồng ý ly hôn, bà xác định không còn thương ông A, bà với ông A đã ly thân hơn 20 năm. Bà chỉ đồng ý ly hôn nếu ông A đồng ý ủy quyền phần đất ông A được mẹ cho, cho con chung là C.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được", Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông A là có cơ sở, lý do bà B không đồng ý ly hôn là không có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A, cho ông A được ly hôn bà B.

[4] Về con chung: Ông A và bà B có 01 con tên C, sinh năm 1998, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông A xác định không có, tại phiên tòa bà B cũng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc ông A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông A.

1. Về hôn nhân: Ông A được ly hôn bà B.

2. Về con chung: Ông A và bà B có 01 con chung tên C, sinh năm 1998, đã thành niên.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông A phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0045046 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND xã Y, huyện Z (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Thắm